

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HPT ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Kim M, sinh năm 1978; HKTT: Số 10/12, ấp TN, xã TT, huyện LH, tỉnh VL; địa chỉ: Số 5, ấp AH, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 463, ấp A H, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị M là nguyên đơn trình bày:

Chị M và anh T cưới nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không

hợp nhau, và ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Quá trình sống chung, chị M và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/6/2013, hiện đang sống với chị M. Chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh T là bị đơn trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Nay anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Đồng ý để chị M tiếp tục nuôi 02 con, anh T không cấp dưỡng nuôi con vì công việc của anh T thu nhập không ổn định, nếu tháng nào có tiền ít nhiều thì anh T sẽ phụ lo cho con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn. Con chung để chị M tiếp tục nuôi, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tài sản, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị M và anh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khi có mâu thuẫn chị M và anh T sống riêng, tự lo cho bản thân. Nay chị M xin ly hôn, anh T đồng ý.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận này của anh T và chị M là phù hợp, Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung, chị M và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/6/2013, hiện đang sống với chị M. Chị M và anh T thống nhất để chị M tiếp tục nuôi 02 con, tuy nhiên anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con theo yêu cầu của chị M.

Xét yêu cầu này của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị M và anh T không chung sống thì con do chị M nuôi, anh T không chu cấp, mà việc nuôi con chủ yếu dựa vào thu nhập từ việc bán vé số hàng ngày của chị M. Dù kinh tế khó khăn, phải ở nhà thuê, nhưng chị M vẫn lo cho 02 con được đi học. Do đó, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị M nuôi 02 con.

Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 2. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.”

Từ những nhận định và điều luật trên, xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M là phù hợp, đề nghị của Kiểm sát viên chấp nhận yêu cầu của chị M là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Chị M và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị M xin ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh T phải nộp án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trịnh Kim M và anh Nguyễn Trung T.

2. Về nuôi con chung:

Chị Trịnh Kim M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/6/2013, hiện đang sống với chị M. Anh Nguyễn Trung T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng bằng 01 tháng lương cơ sở tương ứng từng thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị M và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trịnh Kim M phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0009166 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị M được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Trung T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã M AH B,
huyện LV, tỉnh ĐT,
(giấy CNKH số 179 ngày 24/12/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ***(đã ký)***Lê Thị Kiều Tiên**